

KT3-03736BTP9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/07/2019

Page 01/04

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN – NATURAL GOLD SUGAR
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 02/07/2019
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 03/07/2019 - 11/07/2019
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI
KCN Biên Hòa 1, An Bình, Biên Hòa - Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page* 02 - 04/04

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Trạng thái bên ngoài Appearance	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể màu vàng nâu đến nâu, kích thước tương đối đồng đều, toí khô, không vón cục/ Brownish yellow crystal to brown crystal, relatively same in size, dry
7.2. Màu sắc / Color	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể màu vàng nâu đến nâu, khi pha trong nước cất cho dung dịch tương đối trong Brownish yellow crystal to brown crystal, relatively clear solution when adding in water
7.3. Mùi vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi lạ Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor
7.4. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % Sucrose content (m/m)	GS 1/2/3/9- 1 (2011) ICUMSA	-	99,1
7.5. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugars content (m/m)	GS1 - 5 (2009) ICUMSA	-	0,21
7.6. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % Conductivity ash content (m/m)	GS 1/3/4/7/8 - 13 (1994) - ICUMSA	-	0,14
7.7. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	0,15
7.8. Màu ICUMSA / Color, IU	GS1/3-7 (2011) ICUMSA	-	1,77 x 10 ³
7.9. Năng lượng/Calories • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018	-	3,99 x 10 ²
7.10. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g Carbohydrate content	US-FDA 21CFR 101.9	-	99,8



7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.11. Hàm lượng béo, Fat content	g/100 g QTTN/KT3 139:2016 (Ref: FAO FNP 14/8 (P.10)-1986)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng protein, Protein content	g/100 g QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method (Ref: FAO FNP 14/7 (P.221)-1986)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	0,03	Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	0,03	Không phát hiện Not detected
7.15. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg TCVN 8427:2010	0,01	Không phát hiện Not detected
7.16. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/kg QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	0,015	Không phát hiện Not detected
7.17. Hàm lượng đồng, Copper content	mg/kg AOAC 2016 (999.11)	0,12	Không phát hiện Not detected
7.18. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , Aflatoxin B ₁ content	µg/kg TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện Not detected
7.19. Hàm lượng aflatoxin, Aflatoxin content	µg/kg TCVN 7596:2007		
• B ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• B ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
• G ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• G ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
7.20. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g Mesophilic bacteria	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017	-	1,2 x 10 ²
7.21. Tổng số nấm men, CFU/10 g Total yeasts	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.22. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g Total moulds	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than



7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
Thử nghiệm GMO/Testing GMO			
7.23. DNA thực vật - gen trnL (tRNA – Leu gene) <i>Plant DNA based on trnL gene (tRNA – Leu gene)</i>	QTTN/KT3 133 : 2016 Real time PCR	10 copies	Phát hiện <i>Detected</i>
7.24. Định tính GMO bằng phương pháp sàng lọc <i>Detection of GMO by screening method</i>			
• Promoter CaMV 35S	QTTN/KT3 108:2014 – Amd 01:2017 ⁽¹⁾ Real time PCR	0,01 % (w/w)	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Terminator NOS	QTTN/KT3 109:2014 – Amd 01:2017 ⁽²⁾ Real time PCR	0,01 % (w/w)	Không phát hiện <i>Not detected</i>

Ghi chú/Notes: Hàm lượng protein/ *Protein content* = 6,25 x Hàm lượng nitơ/ *Nitrogen content*

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.*

(1): Tham khảo/refer to JRC Compendium of reference methods for GMO analysis
QT - ELE - 00 - 004

(2): Tham khảo/refer to JRC Compendium of reference methods for GMO analysis
QL - ELE - 00 - 011